

Bản án số: 20/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 11 - 2019
“Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mùi, ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư V, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải anh H và chị H1 trình bày:

Anh H và chị H1 kết hôn với nhau ngày 13/02/2008, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị sống cùng bố mẹ đẻ của anh H tại khu dân cư V, phường V, thành phố C. Đến đầu năm 2010,

anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 3/2019 thì anh H về nước hẳn. Trong thời gian đi xuất khẩu lao động anh H có về phép hai lần vào năm 2013 và 2016. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không liên lạc và không quan tâm gì đến nhau.

Theo anh H thì vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi anh ở nước ngoài biết được thông tin chị H1 không quan tâm đến gia đình, con cái, mặc dù anh và gia đình anh đã trao đổi, góp ý nhiều lần nhưng chị H1 vẫn bảo thủ, chỉ quan tâm đến công việc cá nhân. Ngoài ra chị H1 còn nghi ngờ anh sống không chung thủy. Từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Hai lần anh về phép trong khoảng thời gian 01 tháng vào năm 2013 và 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Theo chị H1 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014. Nguyên nhân là do chị có nghe dư luận nói anh H ở nước ngoài có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên ít liên lạc cho chị và mỗi lần nói chuyện lại cãi nhau qua điện thoại làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Đến năm 2016, sau khi anh H về phép thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã L ở đến tháng 4/2018 thì chị thuê nhà trọ ở khu đô thị V thuộc khu dân cư T, phường S, thành phố C ở. Chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện đang sống ly thân nhau, bản thân chị không chủ động liên lạc và cũng không còn biện pháp nào để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh H vì chị vẫn còn tình cảm với anh H, không muốn mang tiếng bị chồng bỏ và các con có một gia đình không hoàn chỉnh.

Về con chung: Anh H và chị H1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn H, sinh ngày 17/4/2008 và Đỗ Anh P, sinh ngày 07/7/2010, hiện các con đều sống cùng anh H. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, chị H1 đồng ý.

Về tài sản chung: Anh H và chị H1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn H, cho anh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Văn H, sinh ngày 17/4/2008 và Đỗ Anh P, sinh ngày 07/7/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H1 là bị đơn có nơi ở hiện nay tại khu đô thị V, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thu H1 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của anh H: Anh H và chị H1 kết hôn với nhau ngày 13/02/2008, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C (nay là phường V, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cơ bản là do anh chị không sống gần nhau nên bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn đến mất lòng tin với nhau. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm bị sút mẻ, ít quan tâm đến nhau và không có tiếng nói chung. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2016 đến nay không liên lạc và không quan tâm gì đến nhau. Chị H1 cho rằng chị còn tình cảm với anh H và không đồng ý ly hôn nhưng bản thân chị cũng không có sự thiện chí thực sự, không chủ động tìm biện pháp để níu kéo, cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống cũng xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, khó có thể hàn gắn. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng đến tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị H1. Xét hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn với chị H1.

[3] Về con chung: Cả hai con chung của anh chị hiện nay đang ở cùng anh H. Anh H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị H1 đồng ý. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với bố. Anh H có đủ điều kiện nuôi con. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cả hai con chung của anh chị cho anh H trực

tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền và lợi ích của các con chung. Việc anh H không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị H1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn H, cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Văn H, sinh ngày 17/4/2008 và Đỗ Anh P, sinh ngày 07/7/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001343 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh
- UBND phường V, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lâm